

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/7/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn giữa ông D  
và bà M”*

**NHÂN DANH**

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Sâm

2. Ông Nguyễn Duy Dân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan Đăng D sinh năm 1935

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Thái Bình

**- Bị đơn:** Bà Đào Thị M sinh năm 1954

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình

*(Tại phiên tòa có mặt ông D; vắng mặt bà M)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Phan Đăng D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đào Thị M tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 10/12/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông. Quá trình chung sống đến tháng 3/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, bà M lại có mâu thuẫn với các con riêng của ông, cộng với việc vợ chồng không có con chung. Mâu thuẫn căng thẳng vào ngày 08/4/2022 bà M đã tự ý bỏ về Thôn T, xã Q sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M không còn ông xin ly hôn bà M.

Về con chung: Ông và bà Đào Thị M không có con chung.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Đào Thị M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân thời gian mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như ông Phan Đăng D đã trình bày là đúng. Nay ông có đơn xin ly hôn, bà xác nhận tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn, bà nhất trí ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh với cơ sở Thôn Q, xã H, huyện P thấy:* Ông Phan Đăng D và bà Đào Thị M là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của cụ thể của vợ chồng thì cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết bà M có mâu thuẫn với các con riêng của ông D, từ tháng 4/2022 bà M không sinh sống tại gia đình ông D nữa. Nay ông D có đơn xin ly hôn bà M cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông D và bà M không có con chung. Về tài sản chung của ông D, bà M cơ sở thôn không biết rõ.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho ông Phan Đăng D được ly hôn và Đào Thị M; Về con chung: ông D, bà M không có con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về án phí: miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông D.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông Phan Đăng D khởi kiện ly hôn với bà Đào Thị M. Do bà M là bị đơn cư trú tại Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà M xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân xã H, huyện P, tỉnh Thái Bình cấp đăng ký kết hôn số 60 ngày 10/12/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 3/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, vợ chồng không có con chung, cộng với việc bà M lại có mâu thuẫn với các con riêng của ông D. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 4/2022, bà M đã bỏ về Thôn T, xã Q sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M không còn, ông xin ly hôn bà M. Bà M cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn, bà nhất trí ly hôn ông D. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án ông bà vẫn ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông D, bà M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của ông bà thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho ông D được ly hôn bà M phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Phan Đăng D và bà Đào Thị M không có con chung

[4] Về tài sản chung: Ông Phan Đăng D và bà Đào Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Ông Phan Đăng D phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm, tuy nhiên ông D là người cao tuổi lại có đơn xin miễn nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông D là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Phan Đăng D và bà Đào Thị M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phan Đăng D được ly hôn bà Đào Thị M.

2. Về con chung: Ông Phan Đăng D và bà Đào Thị M không có con chung.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Phan Đăng D.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Đăng D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã H, h. Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Duyên**  
(Đã ký)